

Tỷ lệ chi ít nhất dành để trực tiếp phục vụ người bệnh từ 45 đến 50% định mức chi thường xuyên.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH MỨC CHI BÌNH QUÂN GIƯỜNG BỆNH NHÂN

1. Nhóm I: «Chi cho bộ máy» căn cứ vào định mức lao động của từng loại bệnh viện quy định tại thông tư số 7-UB/LĐTT ngày 23-1-1975 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về các chế độ tiền lương và phụ cấp lương hiện hành.

2. Nhóm II: «Chi về hành chính quản lý» và nhóm III «Chi về nghiệp vụ» được tính trên cơ sở Nhà nước bảo đảm cung cấp theo tiêu chuẩn định mức hiện vật thuốc men, phương tiện chuyên môn và các mặt hàng cần thiết khác phục vụ cho công tác của bệnh viện. Riêng về thực phẩm bệnh nhân được cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng và theo giá chỉ đạo bán lẻ của Nhà nước quy định ở công văn số 1465-V6 ngày 30-3-1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

Hàng năm, căn cứ vào sự thay đổi về tiền lương và giá cả, định mức sẽ được liên Bộ xem xét, quy định bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm hoạt động của các bệnh viện.

3. Định mức chi bình quân giường bệnh được cấp phát trên cơ sở giường bệnh thực sử dụng (Tổng số ngày điều trị trên 340 ngày).

4. Đối với các bệnh viện được viện trợ thiết bị toàn bộ (hoặc từng phần), các bệnh viện ở thành phố lớn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ duyệt định mức chi cụ thể bảo đảm yêu cầu hoạt động của từng cơ sở.

5. Định mức chi nói ở phần I không bao gồm các khoản chi về tiền thuốc phát cho bệnh nhân thuộc đối tượng chính sách và các khoản chi không thường xuyên về mua sắm tài sản có giá trị lớn và chi về sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Các Sở Y tế và Sở Tài chính căn cứ vào mức chi nói ở phần I tính toán cụ thể

mức chi cho từng bệnh viện do địa phương quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương xét duyệt.

2. Đối với các bệnh viện, nhà điều dưỡng trực thuộc của Bộ, Tổng cục khác ở trung ương, các Bộ căn cứ vào thông tư này mà nghiên cứu đề nghị, có sự tham gia ý kiến của Bộ Y tế, về mức chi cụ thể cho từng bệnh viện, nhà điều dưỡng do Bộ quản lý đề gửi Bộ Tài chính xét cấp kinh phí.

Thông tư này thay thế quyết định số 113-QĐ/LH ngày 6-3-1972 của liên Bộ Y tế — Tài chính và có hiệu lực thi hành từ tháng 7 năm 1984.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 1984

Bộ trưởng Bộ Tài chính

CHU TAM THỨC

Bộ trưởng Bộ Y tế

T.S. ĐẶNG HỒI XUÂN

TỔNG CỤC THỐNG KÊ — THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

QUYẾT ĐỊNH liên bộ số 317—QĐ/LB ngày 6-8-1984 ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thương binh và xã hội.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ—BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ nghị định số 72-CP ngày 5-4-1974 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng cục Thống kê:

Căn cứ nghị định số 351-CP ngày 25-9-1979 của Hội đồng Chính phủ ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương binh và xã hội;

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ, biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra,

09/04/1991

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thương binh và xã hội áp dụng cho các Sở Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương và các Phòng thương binh và xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (có danh mục kèm theo).

Điều 2. — Chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức nói ở điều 1 của quyết định này được thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. — Giám đốc Sở Thương binh và xã hội các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, trưởng phòng thương binh và xã hội các huyện, quận, thị xã,

thành phố trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. — Vụ trưởng Vụ thống kê thương nghiệp — đời sống — văn xã của Tổng cục Thống kê, chánh văn phòng Bộ Thương binh và xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 1984

K. T. Bộ trưởng

Bộ Thương binh và xã hội

Thứ trưởng

HOÀNG THẾ THIÊN

Q. Tổng cục trưởng

Tổng cục Thống kê

TRẦN HẢI BĂNG

DANH MỤC BIỂU MẪU

trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thương binh và xã hội (áp dụng cho các Sở Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, các Phòng Thương binh và xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh).

(Ban hành theo quyết định liên Bộ số 317—QĐ/LB ngày 6-8-1984).

| Ký hiệu | Tên biểu | Kỳ báo cáo | Thời hạn gửi báo cáo |
|---------|---|-------------------------|---------------------------|
| A | B | C | D |
| 01—TBXH | Thương binh và những người hưởng chính sách như thương binh | 6 tháng đầu năm, cả năm | Gửi ngày 5 sau kỳ báo cáo |
| 02—TBXH | Bệnh binh | —nt— | —nt— |
| 03—TBXH | Liệt sĩ và thân nhân chủ yếu của liệt sĩ | —nt— | —nt— |
| 04—TBXH | Người và gia đình có công với cách mạng | —nt— | —nt— |
| 05—TBXH | Công nhân viên chức và quân nhân về hưu, mất sức lao động mới giải quyết trong kỳ | —nt— | —nt— |
| 06—TBXH | Công nhân viên chức và quân nhân về hưu đang quản lý | —nt— | —nt— |
| 07—TBXH | Công nhân viên chức và quân nhân nghỉ việc vì mất sức lao động đang quản lý | —nt— | —nt— |
| 08—TBXH | Trợ cấp tuất | —nt— | —nt— |
| 09—TBXH | Các đối tượng xã hội | —nt— | —nt— |
| 10—TBXH | Tình trạng thương tật của người tàn tật xã hội | —nt— | —nt— |
| 11—TBXH | Số người trong các cơ sở thương binh và xã hội | —nt— | —nt— |

1. Phòng Thương binh và xã hội gửi Sở Thương binh và xã hội và Phòng Thống kê và ngày 5 sau kỳ báo cáo.

2. Sở Thương binh và xã hội gửi Bộ Thương binh và xã hội và Cục Thống kê vào ngày sau kỳ báo cáo.

096641
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684